

Số: 112/2019/QĐST-DS

Bến Lức, ngày 14 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 421/2019/TLST - DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh L.

- Ông Phan Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh L.

** Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Thời gian và phương thức thanh toán: Bà N phải có trách nhiệm trả trong vòng 13 tháng, từ 10/11/2019 đến 10/11/2020, vào ngày 10 hàng tháng. Cụ thể:

- Ngày 10/11/2019, bà N phải có trách nhiệm trả 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng),

- Từ 10/12/2019 đến 10/10/2020 (11 tháng), bà N có trách nhiệm trả mỗi tháng 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng);

- Ngày 10/11/2020 bà N có trách nhiệm trả 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Trong trường hợp bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ ở bất kỳ kỳ trả nợ nào thì bà T, ông B có quyền yêu cầu bà Ngọc thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm $\frac{1}{2}$ án phí do bà Ngọc có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N. Bà Trần Thị N phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị T số tiền 5.492.500 đồng (Năm triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0001312 ngày 12/9/2019 và 0001367 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh L;
- Lưu HS.

Hồ Thị Miên